

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày: 14 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Thủy

Ông Nguyễn Hoàng

Ông Trần Hoàng Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:

Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên.

Ông Dương Quốc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị K, sinh năm: 1972; tại: huyện H, tỉnh B; nơi cư trú: Ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; cha: Lê Văn T và mẹ: Nguyễn Thị P; bị cáo có chồng là Lê Văn T1 và có 02 người con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1999); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt ngày 22/4/2020 và tạm giam cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa: Ông Hồ Quốc Thanh - là Luật sư của Văn phòng luật sư Tiên Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hậu Giang, bào chữa chỉ định cho bị cáo. (Có mặt)

- Bị hại:

1/ BH1; sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

2/ BH2; sinh năm: 1996; nơi cư trú: ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

3/ BH3; sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

4/ BH4; sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(Vắng)

5/ BH5; sinh năm: 1991; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Vắng)

6/ BH6; sinh năm: 1985; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(Vắng)

7/ BH7; sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

8/ BH8; sinh năm: 1985; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

9/ BH9; sinh năm: 1992; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

10/ BH10; sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

11/ BH11; sinh năm: 1947; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(Vắng)

12/ BH12; sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(Vắng)

13/ BH13; sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

14/ BH14; sinh năm: 1977; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

15/ BH15; sinh năm: 1988; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
(Vắng)

16/ BH16; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.
(Có mặt)

17/ BH17; sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

18/ BH18; sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

19/ BH19; sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

20/ BH20; sinh năm: 1985; nơi cư trú: ấp N, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng)

21/ BH21; sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

22/ BH22; sinh năm: 1973; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

23/ BH23; sinh năm: 1978; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

24/ BH24; sinh năm: 1981; nơi cư trú: khu vực 3, phường 4, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

25/ BH25; sinh năm: 1982; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

26/ BH26; sinh năm: 1975; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

27/ BH27; sinh năm: 1963; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

28/ BH28; sinh năm: 1997; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

29/ BH29; sinh năm: 1996; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

30/ BH30; sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

31/ BH31; sinh năm: 1965; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

32/ BH32; sinh năm: 1974; nơi cư trú: ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

33/ BH33; sinh năm: 1971; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

34/ BH34; sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

35/ BH35; sinh năm: 1967; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

36/ BH36; sinh năm: 1975; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

37/ BH37; sinh năm: 1979; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng)

38/ BH38; sinh năm: 1969; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng)

39/ BH39; sinh năm: 1963; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng)

40/ BH40; sinh năm: 1959; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

41/ BH41; sinh năm: 1992; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

42/ BH42; sinh năm: 1965; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

43/ BH43; sinh năm: 1937; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

44/ BH44; sinh năm: 1981; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

45/ BH45; sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp 11, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Văn T1; sinh năm: 1972; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

2/ NLQ1; sinh năm: 1967; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

3/ NLQ2; sinh năm: 1987; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

4/NLQ3; sinh năm: 1961; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

5/NLQ4; sinh năm: 1956; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

6/NLQ5; sinh năm: 1968; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

7/NLQ6; sinh năm: 1994; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

8/NLQ7; sinh năm: 1963; nơi cư trú: ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng)

9/NLQ8; sinh năm: 1984; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

10/NLQ9; sinh năm: 1980; nơi cư trú: ấp 9, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

11/NLQ10; sinh năm: 1980; nơi cư trú: ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

12/ Trần Thị Thoại My; sinh năm: 1992; nơi cư trú: ấp 3, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng năm 2003, Lê Thị K tổ chức cho nhiều người dân trên địa bàn xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang và các vùng lân cận tham gia chơi hội để hưởng tiền huê hồng. Thời gian đầu K hoạt động thuận lợi nên có uy tín và ngày càng tạo được lòng tin đối với các hội viên. Đến năm 2017, một số hội viên tham gia chơi hội hốt hội nhưng không đóng lại tiền hội chết nên K đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền hội của các hội viên khác. K lợi dụng sự tin tưởng của các hội viên như: Không quan tâm người tham gia hội, không hỏi tên người được hốt hội, không theo dõi các lần hốt hội, không trực tiếp đi khai hội nên bắt đầu từ ngày 10/6/2017 âm lịch K đã tự ý mượn hội để hốt (mạo danh), hốt hội không ở một số lần khai hội và bán hội không nhằm chiếm đoạt tiền của các hội viên sử dụng vào mục đích tràn hội, lấp hội và tiêu xài cá nhân. Đến ngày 10/5/2019 âm lịch, K không còn khả năng để duy trì tổ chức các dây hội nên K đã tuyên bố vỡ hội, không thanh toán tiền hội cho các hội viên. Do vậy, một số

hội viên đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình điều tra đã xác định đến thời điểm Lê Thị K tuyên bố vỡ hội còn 04 dây hội tháng chưa mất gồm: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch, dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch, dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch và dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch. Có tất cả 57 hội viên tham gia (trong đó có Lê Thị K) với 45 hội viên là bị hại trong vụ án. Khi tổ chức các dây hội này, K tự đặt ra quy định về thời gian, cách thức tổ chức khai hội đồng thời lập danh sách hội viên tham gia trong từng dây hội để quản lý. Hội viên được K giao bản sao danh sách các hội viên tham gia trong từng dây hội. Do đã có ý thức chiếm đoạt tài sản từ trước nên sổ sách ghi chép của K chỉ mang tính chất đối phó, không đảm bảo mức giá thực tế đúng với số tiền hội viên bỏ thăm hót hội. Vì vậy, K và các hội viên thống nhất căn cứ vào sổ sách ghi chép thể hiện mức giá kêu hội của chị BH13 (tên trong sổ hội: vợ Đoàn), chị BH33 (tên trong sổ hội: 8 Nẫu) và của chị BH20 (tên trong sổ hội: em Ngân) để làm cơ sở xác định số tiền các hội viên đã đóng cho K.

Tổng số tiền đến ngày Lê Thị K tuyên bố vỡ hội còn nợ của các hội viên trong 04 dây hội đối với 45 hội viên là bị hại trong vụ án 2.200.720.000 đồng, K đã khắc phục được 783.670.000 đồng. Trong đó, K dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền hội của 45 hội viên là bị hại trong vụ án 1.355.620.000 đồng, cụ thể như sau:

1. BH1, tham gia 03 dây với 06 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 02 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 02 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/2/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 96.400.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 178.500.000 đồng, K đã khắc phục được 55.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 123.500.000 đồng.

2. BH2, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch với 02 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội này 35.140.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 73.120.000 đồng, K đã khắc phục được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 53.120.000 đồng.

3. BH3, tham gia 02 dây với 02 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian

dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 24.830.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu là 32.260.000 đồng, K đã khắc phục được 16.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 16.260.000 đồng.

4. BH4, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch với 01 phần hội chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 14.410.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 30.060.000 đồng, đây cũng là số tiền K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại.

5. BH5, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch với 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này là 8.610.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 10.110.000 đồng, đây cũng là số tiền K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại.

6. BH6, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 01 phần hội chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này là 16.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 22.150.000 đồng, K đã khắc phục được 11.500.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 10.650.000 đồng.

7. BH7, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch với 02 phần hội chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội này 35.140.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 73.120.000 đồng, K đã khắc phục được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 23.120.000 đồng.

8. BH8, tham gia 02 dây với 04 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 02 phần, đã hết 01 phần còn lại 01 phần chưa hết; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là 50.010.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 80.860.000 đồng, K đã khắc phục được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 60.860.000 đồng.

9. BH9, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch với 03 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội này 25.830.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 30.330.000 đồng, K đã khắc phục được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 20.330.000 đồng.

10. BH10, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2018 âm lịch với 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản

phần hội này 14.410.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 30.060.000 đồng, K đã khắc phục được 5.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi theo yêu cầu bị hại 25.060.000 đồng.

11. BH11, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 16.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu là 22.150.000 đồng, K đã khắc phục được 5.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 17.150.000 đồng.

12. BH12, tham gia 03 dây với 03 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2018 âm lịch tham gia 1 phần chưa hết; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hết; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 39.240.000 đồng. Ngoài ra, K còn nợ tiền hội mãi bị hại dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 20/01/2017 với số tiền 59.000.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 121.320.000 đồng, K đã khắc phục được 22.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 99.320.000 đồng.

13. BH13, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội này là 16.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự 22.150.000 đồng, K đã khắc phục được 3.500.000 đồng, số tiền K phải bồi thường 18.650.000 đồng.

14. BH14, tham gia 03 dây với 04 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 02 phần chưa hết; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hết; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 59.970.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 105.380.000 đồng, K đã khắc phục được 37.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu của bị hại 68.380.000 đồng.

15. BH15, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch với 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 8.610.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 10.110.000 đồng, K đã khắc phục đầy đủ cho bị hại.

16. BH16, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 01 phần chưa hết. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 16.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu

22.150.000 đồng, K đã khắc phục được 7.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 15.150.000 đồng.

17. BH17, tham gia 04 dây với 04 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 56.810.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 98.880.000 đồng, K đã khắc phục được 28.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 70.880.000 đồng.

18. BH18, tham gia 03 dây với 07 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 03 phần đã hót, dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 01 phần đã hót, dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 03 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 48.660.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 37.450.000 đồng, K đã khắc phục được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 27.450.000 đồng.

19. BH19, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 02 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội này 32.440.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 44.300.000 đồng, K đã khắc phục được 18.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 26.300.000 đồng.

20. BH20, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch với 01 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 14.410.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 30.060.000 đồng, K đã khắc phục được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 20.060.000 đồng.

21. BH21, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch với 01 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 17.570.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 36.560.000 đồng, K đã khắc phục được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 26.560.000 đồng.

22. BH22, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch với 01 phần hội chưa hót (phần hội này bị hại đã kêu hót hội nhưng chưa được K giao tiền hội nên vẫn xác định là hội sống). K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 14.410.000 đồng. Về tiền dân sự giữa

K và bị hại đã tự thỏa thuận thống nhất với nhau, theo đó K nợ bị hại phần hụi này số tiền 41.000.000 đồng, K đã khắc phục được 27.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 14.000.000 đồng.

23. BH39, tham gia 02 dây với 03 phần hụi: Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 01 phần đã hốt; dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống 17.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 20.220.000 đồng, K đã khắc phục được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 10.220.000 đồng.

24. BH23, tham gia 02 dây với 03 phần hụi: Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 01 phần đã hốt; dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống 17.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 20.220.000 đồng, K đã khắc phục được 8.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 12.220.000 đồng.

25. BH24, tham gia 02 dây hụi với 05 phần hụi: Dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 03 phần đã hốt 01 phần, 02 phần chưa hốt; dây hụi 2.000.000 đồng mở cùng ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hụi sống 61.260.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 104.450.000 đồng, K đã khắc phục đầy đủ cho bị hại.

26. BH25, tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch với 01 phần hụi chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hụi này 14.410.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 30.060.000 đồng, K đã khắc phục được 17.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 13.060.000 đồng.

27. BH26, tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 01 phần hụi chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hụi này 16.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 22.150.000 đồng, K đã khắc phục được 9.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 13.150.000 đồng.

28. BH27, tham gia 01 dây hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch với 01 phần hụi chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hụi này 8.610.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đòi chiếu 10.110.000 đồng, K đã khắc phục 9.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 1.110.000 đồng.

29. BH28, tham gia 02 dây với 03 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 24.830.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 32.260.000 đồng, K đã khắc phục được 6.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 24.260.000 đồng.

30. BH29, tham gia 02 dây với 03 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 với 01 phần hội chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch với 02 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 33.440.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 42.370.000 đồng, K đã khắc phục được 4.500.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 37.870.000 đồng.

31. BH30, tham gia 02 dây với 04 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 03 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 66.230.000 đồng. Về tiền dân sự, tại thời điểm vỡ hội giữa K và bị hại đã thỏa thuận thống nhất số tiền K còn thiếu bị hại 140.000.000 đồng, K đã khắc phục được 50.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 90.000.000 đồng.

32. BH31, tham gia 03 dây với 05 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 02 phần đã hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hót (dây hội này bị hại tham gia sau các hội viên khác 03 lần khui); dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 7.230.000 đồng. Về tiền dân sự, tại thời điểm vỡ hội giữa K và bị hại đã thỏa thuận thống nhất với nhau, theo đó số tiền hội K còn nợ bị hại 28.000.000 đồng.

33. BH32, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 01 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 16.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 22.150.000 đồng, đây cũng là số tiền K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại.

34. BH33, tham gia 02 dây với 02 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 31.980.000 đồng. Tổng số tiền

dân sự đã đối chiếu 66.620.000 đồng, K đã khắc phục được 33.500.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 33.120.000 đồng.

35. BH34, tham gia 02 dây với 06 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 03 phần, đã hót 02 phần, 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 03 phần chưa hót (trong đó 01 phần hội K bán hội không cho bị hại). K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống và phần bán hội không là 85.390.000 đồng. Về tiền dân sự, K còn nợ tiền hội sống của bị hại số tiền 99.120.000 đồng, K đã khắc phục được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 89.120.000 đồng.

36. BH35, tham gia 02 dây với 05 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 02 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 03 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống là 58.270.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 74.630.000 đồng, K đã khắc phục được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 54.630.000 đồng.

37. BH36, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 03 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội này 48.660.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 66.450.000 đồng, K đã khắc phục được 30.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 36.450.000 đồng.

38. BH37, sinh năm 1979, ĐKTT: ấp Ninh Định, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia 02 dây với 02 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hội sống 23.020.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 40.170.000 đồng, đây cũng là số tiền K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại (bút lục 664).

39. BH38, tham gia 01 dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch với 01 phần hội chưa hót. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hội này 8.610.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 10.110.000 đồng (mười triệu một trăm mười nghìn đồng), đây cũng là số tiền K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại.

40. BH40, tham gia 02 dây với 02 phần hội: Dây hội 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 01 phần chưa hót; dây hội 2.000.000 đồng mở

ngày 30/3/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui sống 33.790.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 58.710.000 đồng, K khắc phục được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 38.710.000 đồng.

41. BH41, tham gia 01 dây hui mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 02 phần hui chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui này 32.440.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 44.300.000 đồng, K đã khắc phục được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 24.300.000 đồng.

42. BH42, tham gia 01 dây hui mở ngày 15/9/2017 âm lịch với 01 phần hui chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hui này 14.410.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 30.060.000 đồng, K đã khắc phục được 15.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 15.060.000 đồng.

43. BH43, tham gia 01 dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 30/3/2018 âm lịch với 01 phần hui chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hui này 16.220.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 22.150.000 đồng, K đã khắc phục được 1.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 21.150.000 đồng.

44. BH44, tham gia 02 dây với 03 phần hui: Dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 10/6/2017 âm lịch tham gia 02 phần chưa hốt; dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 25/11/2018 âm lịch tham gia 01 phần chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong các phần hui sống 43.750.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 83.230.000 đồng, K đã khắc phục được 10.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 73.230.000 đồng.

45. BH45, tham gia 01 dây hui 2.000.000 đồng mở ngày 15/9/2017 âm lịch với 01 phần hui chưa hốt. K đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản trong phần hui này là 14.410.000 đồng. Tổng số tiền dân sự đã đối chiếu 30.060.000 đồng, K đã khắc phục được 15.000.000 đồng, số tiền còn lại K thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại 15.060.000 đồng.

Tiến hành xác minh tại Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang được biết cơ quan này chưa tiếp nhận và thụ lý hồ sơ vụ việc nào liên quan đến việc vỡ hui của Lê Thị K cũng như các tranh chấp có liên quan. Đối với số tiền Lê Thị K chiếm đoạt được của bị hại, K đã sử dụng hết vào việc tràn hui, lấp hui cho các hui viên đã hốt hui không đóng lại hui chết, tiêu xài cá nhân. K không

dùng tiền chiếm đoạt của bị hại để mua tài sản cho bản thân cũng như cho người thân trong gia đình.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 28/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Lê Thị K có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lê Thị K về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 năm tù đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và các bị hại có mặt tại phiên tòa. Đối với các bị hại vắng mặt quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền hui đã đóng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu và lưu vào hồ sơ vụ án các vật chứng đã thu giữ. Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Thống nhất trả lại số tiền hui của các bị hại mà bị cáo còn nợ và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa: Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục trên 1/2 số tiền lừa đảo, có thân nhân có công với cách mạng, chồng có giấy khen của ủy ban tỉnh, một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Ý kiến của bị hại: 16 bị hại có mặt tại phiên tòa yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, còn lại yêu cầu xử bị cáo theo quy định của pháp luật. Đồng thời, các bị hại yêu cầu bị cáo trả toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và tiền dân sự trong các dây hui mà bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Về số tiền hui các bên đã giải quyết xong, không có yêu cầu và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, 18 bị hại và 10 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo cho họ theo luật định.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị K vẫn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung cáo trạng đã truy tố. Qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên tòa, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng:

[3.1] Vào năm 2003, bị cáo Lê Thị K bắt đầu tổ chức (làm chủ hội) cho các hội viên trên địa bàn xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang và vùng lân cận tham gia chơi hội để hưởng tiền hoa hồng. Từ ngày 10/6/2017 (âl) với động cơ vụ lợi cá nhân, bị cáo đã lợi dụng việc các hội viên không tham gia đi bỏ thăm kêu hốt hội đầy đủ nên bị cáo K đã dùng các thủ đoạn gian dối như: Tự ý lấy hội của hội viên (mạo danh) để kêu hốt hội, hốt hội không ở một số lần khai hội và bán hội không trong 04 dãy hội tháng chiếm đoạt tổng số tiền 1.355.620.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, xét thấy số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại theo cáo trạng là có căn cứ.

[3.2] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác với giá trị tài sản chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng

và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Xét thấy hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo có thời gian dài làm chủ hội, trong quá trình làm chủ hội do muốn có tiền để tràn hội, lấp hội cho các hội viên đã hốt hội không đúng đúng thời hạn quy định và tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã nảy sinh ý định và lợi dụng sự thiếu quan tâm của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Do đó, cần thiết phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được giáo dục, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4.2] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, các lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã thỏa thuận khắc phục một phần hậu quả với tổng số tiền 783.670.000 đồng cho một số bị hại; bị cáo có ông chú tên Lê Văn U và hai người chú ruột tên Lê Văn T2, Lê Văn Q đều là liệt sỹ, có ông nội chồng tên Lê Văn D là liệt sỹ, cha chồng tên Lê Văn L được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và chồng Lê Văn T1 được Tỉnh ủy Hậu Giang tặng bằng khen; một số bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên xem xét áp dụng giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại có mặt tại phiên tòa và bị cáo đã thỏa thuận về trách nhiệm dân sự, đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với các bị hại vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra có yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền hội đã đóng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại số tiền yêu cầu của các bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quá trình điều tra cho rằng đã đóng xong hội cho bị cáo, NLQ7 còn nợ bị cáo 4 lần hội, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án dân

sự khác.

[6] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo tịch thu và lưu giữ vào hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 268, Điều 269, Điều 292, Điều 298, Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Thị K 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/4/2020.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền, cụ thể:

1/ BH1 số tiền 123.500.000 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2/ BH2 số tiền 53.120.000 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

3/ BH3 số tiền 16.260.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

4/ BH4 số tiền 30.060.000 đồng (Ba mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

5/ BH6 số tiền 10.650.000 đồng (Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

6/ BH7 số tiền 23.120.000 đồng (Hai mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

7/ BH8 số tiền 60.860.000 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

8/ BH9 số tiền 20.330.000 đồng. (Hai mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

9/ BH10 số tiền 25.060.000 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

10/ BH11 số tiền 17.150.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

11/ BH12 số tiền 99.320.000 đồng (Chín mươi chín triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

12/ BH13 số tiền 18.650.000 đồng (Mười tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

13/ BH14 số tiền 68.380.000 đồng (Sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

14/ BH16 số tiền 15.150.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

15/ BH17 số tiền 70.880.000 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

16/ BH18 số tiền 27.450.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

17/ BH19 số tiền 26.300.000 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

18/ BH20 số tiền 20.060.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

19/ BH21 số tiền 26.560.000 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

20/ BH22 số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

21/ BH23 số tiền 12.220.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

22/ BH25 số tiền 13.060.000 đồng (Mười ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

23/ BH26 số tiền 13.150.000 đồng (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

24/ BH27 số tiền 1.110.000 đồng (Một triệu một trăm mười nghìn đồng).

25/ BH28 số tiền 24.260.000 đồng (Hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

26/ BH29 số tiền 37.870.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

27/ BH30 số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng).

28/ BH31 số tiền 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

29/ BH32 số tiền 22.150.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

30/ BH33 số tiền 33.120.000 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

31/ BH34 số tiền 89.120.000 đồng (Tám mươi chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

32/ BH35 số tiền 54.630.000 đồng (Năm mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

33/ BH36 số tiền 36.450.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

34/ BH37 số tiền 40.170.000 đồng (Bốn mươi triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

35/ BH38 số tiền 10.110.000 đồng (Mười triệu một trăm mười nghìn đồng).

36/ BH39 số tiền 10.220.000 đồng (Mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

37/ BH40 số tiền 38.710.000 đồng (Ba mươi tám triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

38/ BH41 số tiền 24.300.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

39/ BH42 số tiền 15.060.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

40/ BH43 số tiền 21.150.000 đồng (Hai mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

41/ BH44 số tiền 73.230.000 đồng (Bảy mươi ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

42/ BH45 số tiền 15.060.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Đối với các bị hại BH5, BH15, BH24, quá trình điều tra xác định bị cáo đã trả xong và không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và lưu vào hồ sơ vụ án:

- 01 (Một) quyển tập có ghi nội dung liên quan đến các dây hụi do Lê Thị K làm chủ hụi được đánh số các trang có ghi nội dung được đánh số từ 01 đến số 34, có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn T1 (chồng của Lê Thị K).

- 01 (Một) giấy cam kết chơi hụi mở ngày 10/6/2017 có ghi 30 người tham gia, cuối danh sách đề số hụi 30 người và chủ hụi là Lê Thị K, số điện thoại 01685854367 (có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn T1).

- 01 (Một) giấy chơi hụi mở ngày 15/9/2017, phía dưới có ghi số hụi 26 người, chủ hụi Lê Thị K, số điện thoại 01685854367 (có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn T1).

- 01 (Một) giấy chơi hụi mở ngày 30/3/2018, có ghi 34 người tham gia, phía cuối danh sách ghi tổng số là 34 người, số điện thoại 01685854367 (có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn T1).

- 01 (Một) giấy chơi hụi có ghi 33 người tham gia, phía cuối danh sách có ghi tổng số là 33 người, điện thoại 0385854367, khai ngày 20/3/2019 (có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn T1).

- 01 (Một) giấy lịch ngày 20 tháng 6 không rõ năm, phía sau giấy lịch có ghi số tiền hốt hụi ngày 20/5/2018 (có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn T1).

- 01 (Một) giấy tập có ghi nội dung số tiền hốt hụi ngày 10/6/2017 (có chữ ký xác nhận của ông Lê Văn T1).

(Các tài liệu đã được lưu vào hồ sơ vụ án).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị K phải chịu 56.100.000 đồng (Năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- CQĐT-CA tỉnh Hậu Giang;
- Trại tạm giam-CA tỉnh Hậu Giang;
- Phòng Hồ sơ-CA tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Chính quyền nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh